Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

BÀI 8: CÔNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.
- Trình bày được sự phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp chủ yếu.
- Giải thích tại sao phải phát triển công nghiệp xanh.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với GV và các bạn khác trong lớp.
- *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực tìm hiểu địa lí:* khai thác và sử dụng bảng 8.1 – 8.4, hình 8.1, 8.2, 8.3, 8.4 – SGK trang 142 - 150 để tìm hiểu về nhân tố ảnh hưởng phát triển, đặc điểm, tình hình phát triển của các ngành công nghiệp; sự phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp chủ yếu; phát triển công nghiệp xanh .
- *Năng lực nhận thức và tư duy địa lí:* Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp; trình bày được sự phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp chủ yếu; trình bày được ý nghĩa của việc phát triển công nghiệp xanh.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Vận dụng kiến thức địa lí đã học để xác định và giải thích được bản đồ, bảng số liệu về đặc điểm, tình hình phát triển công nghiệp; nhận xét được ý nghĩa phát triển công nghiệp xanh; sưu tầm thông tin từ các nguồn khác nhau để tìm hiểu xu hướng phát triển công nghiệp xanh ở nước ta.

Năng lực số:

- 1.2.TC2b: Thực hiện phân tích, diễn giải và đánh giá được dữ liệu, thông tin và nội dung số.
- 2.1.TC2a: Lựa chọn được nhiều công nghệ số để tương tác.
- 2.4.TC2a: Lựa chọn được các công cụ và công nghệ số cho các quá trình hợp tác.
- 3.1.TC2b: Thể hiện được bản thân thông qua việc tạo ra các nội dung số.
- 6.1.TC2b: Thực hiện được các thao tác cơ bản trên các công cụ AI.

3. Phẩm chất

- Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- KHBD, SGK, SGV, SBT *Lịch sử và Địa lí 9 – Kết nối tri thức (phần Địa lí).*
- Bảng số liệu, thông tin, tư liệu do GV sưu tầm về nội dung bài học *Công nghiệp*
- Phiếu học tập.
- Video AI được tạo bằng các công cụ AI để khởi động bài học.
- Máy tính kết nối Internet, màn hình tương tác thông minh/máy chiếu, bài giảng điện tử (PowerPoint/Canva), nền tảng trắc nghiệm (Quizizz/ Kahoot), công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT/Gemini/ Copilot, nền tảng chia sẻ Padlet, Google Jamboard.

2. Đối với học sinh

- SGK, SBT *Lịch sử và Địa lí 9 – Kết nối tri thức (phần Địa lí).*

- Sưu tầm trên sách, báo, internet thông tin, tư liệu về nội dung bài học *Công nghiệp*
- Thiết bị số: Máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh (nếu điều kiện cho phép) có kết nối Internet.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS với nội dung bài học.
- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Nhìn hình đoán chữ*. HS quan sát hình ảnh và trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về công nghiệp xuất hiện trong hình ảnh của trò chơi và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS xem video AI được thiết kế để phục vụ bài dạy và trả lời câu hỏi xuất hiện trong video đó.
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Nhìn hình đoán chữ* qua ứng dụng Quizizz/ Mentimeter trên màn hình tương tác. Bật **âm nhạc số** sôi động.
- GV mời HS theo tinh thần xung phong tham gia trò chơi.
- GV phổ biến luật chơi cho HS:

+ HS quan sát hình ảnh về công nghiệp, sau đó đoán chữ cái liên quan bên dưới.

+ HS trả lời nhanh nhất và đoán đúng qua hình ảnh sẽ được điểm cộng.

- GV trình chiếu hình ảnh:



Hình 1: Công nghiệp……



Hình 2: Công nghiệp……



Hình 3: Công nghiệp……



Hình 4: Công nghiệp……

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh và nhập đáp án lên ứng dụng.

- Các HS còn lại trong lớp theo dõi bảng xếp hạng số.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời HS xung phong trả lời.

- Nếu trả lời sai, GV tiếp tục mời HS còn lại đưa ra đáp án.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án:

+ *Hình 1: Công nghiệp dầu khí*
+ *Hình 2: Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử*
+ *Hình 3: Công nghiệp chế biến thực phẩm*
+ *Hình 4: Công nghiệp sản xuất trang phục*

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Hiện nay, nước ta đang đẩy mạnh tái cấu trúc ngành công nghiệp theo hướng phát triển công nghiệp xanh. Có những nhân tố nào ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp nước ta? Các ngành công nghiệp*

chủ yếu ở nước ta có sự phát triển và phân bố như thế nào? Tại sao nước ta phải phát triển công nghiệp xanh? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay – ***Bài 8: Công nghiệp.***

[1.2.TC2b: HS thực hiện phân tích, diễn giải dữ liệu hình ảnh và âm thanh từ nội dung số (video AI) để trả lời câu hỏi.

2.1.TC2a: Lựa chọn được nhiều công nghệ số để tương tác (HS truy cập mã QR trên smartphone, dùng nền tảng số để trả lời và cạnh tranh điểm số thời gian thực thay vì giơ tay truyền thống).]

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp Việt Nam.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, khai thác mục 1 SGK tr.142 – tr.143 hoàn thành *Sơ đồ tư duy* và trả lời câu hỏi: *Phân tích vai trò của các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp nước ta.*

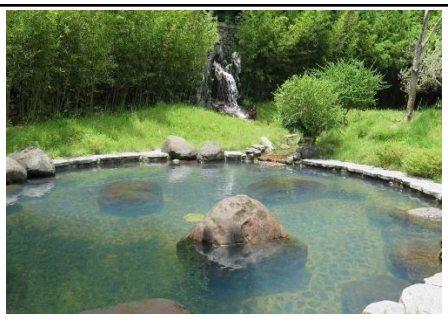
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, *Sơ đồ tư duy* về các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố nông nghiệp và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
**** Nhiệm vụ 1: Nhân tố tự nhiên*** **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV dẫn dắt vào hoạt động: *Sự phát triển và phân bố công nghiệp nước ta phụ thuộc vào các nhân tố tự nhiên và các nhân tố kinh tế - xã hội. Các nhân tố tự nhiên đóng vai trò quan trọng trong các ngành công nghiệp khai thác.*	**1. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và nhân tố công nghiệp** ***a) Nhân tố tự nhiên*** **** Thuận lợi***

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *"Đi tìm một nửa"* trên **Google Jamboard/Padlet** (kéo thả mảnh ghép 1-14). - Các nhóm (được chia ngẫu nhiên) dùng AI (ChatGPT/Copilot) nhập prompt: *"Tóm tắt vai trò của khoáng sản, nguồn nước, sinh vật đối với công nghiệp Việt Nam"* để tìm gợi ý nối mảnh ghép. - GV phổ biến biến luật chơi cho HS: *+ Cả lớp đề cử 8 bạn nam và 8 bạn nữ ghép thành trò chơi.* *+ Mỗi bạn sẽ nhận được một mảnh ghép về đặc điểm tự nhiên, thuận lợi, khó khăn của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa nước ta.* *+ Người chơi nhanh chóng đọc thông tin trên các mảnh ghép để xác định "một nửa" phù hợp của mình.* *+ 4 cặp đôi ghép nhanh và đúng nhất sẽ được cộng điểm.* - GV cho HS nhận các mảnh ghép: **Mảnh ghép 1:** *Vị trí địa lí nước ta nằm ở khu vực phát triển năng động trên thế giới.* **Mảnh ghép 2:** *Khoáng sản đa dạng, có nhiều khoáng sản có trữ lượng lớn.* **Mảnh ghép 3:** *Nguồn nước có mạng lưới sông ngòi dày đặc, nguồn nước ngầm dồi dào* **Mảnh ghép 4:** *Sông chảy qua địa hình dốc có trữ năng thủy điện lớn* **Mảnh ghép 5:** *Cung cấp nước cho các ngành công nghiệp.* **Mảnh ghép số 6:** *Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thủy điện.* **Mảnh ghép số 7:** *Thuận lợi phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng, sản xuất kim loại.* **Mảnh ghép 8:** *Thuận lợi cho thu hút đầu tư nước ngoài phát triển công nghiệp.* **Mảnh ghép số 9:** *Nhiều mỏ khoáng có trữ lượng lớn.*	- *Vị trí địa lí:* Nằm ở trung tâm của khu vực Đông Nam Á. → *Thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài phát triển công nghiệp.* - *Khoáng sản:* Cơ cấu khoáng sản đa dạng, nhiều trữ lượng lớn than đá, than nâu, dầu mỏ… → *Thuận lợi phát triển ngành công nghiệp khai khoáng, sản xuất kim loại.* - *Sinh vật:* Nguồn tài nguyên sinh vật phong phú, đa dạng, nhiều loại có giá trị kinh tế và giá trị dược liệu cao. → *Tạo thuận lợi cho nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, dược phẩm.* *- Khí hậu, địa hình:* + Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa → *Tạo điều*

Mảnh ghép số 10: *Thuận lợi cho phát triển ngành công nghiệp sản xuất đồ uống.* **Mảnh ghép số 11:** *Sinh vật phong phú, đa dạng, nhiều loại có giá trị kinh tế và giá trị dược liệu cao.* **Mảnh ghép số 12:** *Thuận lợi phát triển ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, dược phẩm.* **Mảnh ghép số 13:** *Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.* **Mảnh ghép số 14:** *Tạo điều kiện cung cấp nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất và chế biến thực phẩm.* - GV hướng dẫn HS tổng kết, sử dụng kết quả trò chơi, khai thác thông tin mục 1a SGK.tr 137 và trả lời câu hỏi: *Các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển và phân bố công nghiệp nước ta?* - GV cung cấp thêm cho HS tư liệu về nhân tố tự nhiên: ***Tư liệu 1:***   *Khai thác than đá Quảng Ninh* *Đá vôi Hà Nam – Ninh Bình*	*kiện phát triển nền công nghiệp đa dạng, năng suất cao.* + Nước ta có số giờ nắng cao, lượng bức xạ lớn, gió quanh năm. → *Là cơ sở phát triển điện mặt trời, điện gió.* **** Khó khăn:*** - Các mỏ khoáng sản có quy mô nhỏ, phân bố không tập trung, nhiều loại có nguy cơ cạn kiệt, khí hậu nhiệt đới ẩm làm tăng chi phí làm mát,…





Suối khoáng Kim Bôi (Hòa Bình) Suối nước khoáng Vĩnh Hảo

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS khai thác thông tin trong mục, hoàn thành trò chơi và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời lần lượt từng cặp đôi đọc to mảnh ghép của mình.

Mảnh ghép 1 - 8	*Mảnh ghép 2 - 7*	*Mảnh ghép 3 - 5*	*Mảnh ghép 4 - 6*
Mảnh ghép 9 – 10	*Mảnh ghép 11 – 12*	*Mảnh ghép 13 – 14*	

- GV mời đại diện 2 HS nêu nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến phát triển và phân bố nông nghiệp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận về *các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến phát triển và phân bố nông nghiệp:* ***Dựa vào tài nguyên thiên nhiên phong phú, nền công nghiệp nước***

ta có cơ cấu đa ngành. Các nguồn tài nguyên có trữ lượng lớn là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm. [6.1.TC2b: Thực hiện được các thao tác cơ bản trên các công cụ AI (Học sinh viết lệnh (prompt) hỏi AI để tìm nhanh mối liên hệ giữa các điều kiện tự nhiên (như khoáng sản, khí hậu) và các ngành công nghiệp tương ứng).] - GV chuyển sang nội dung mới.	
**** Nhiệm vụ 2: Nhân tố kinh tế - xã hội*** **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV dẫn dắt vào hoạt động: *Khác với nông nghiệp, sự phát triển và phân bố công nghiệp chịu sự tác động trước hết bởi các nhân tố kinh tế - xã hội.* - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, giao nhiệm vụ: *Khai thác thông tin mục 1b SGk tr.143 và vẽ Sơ đồ tư duy: Các nhân tố kinh tế - xã hội. sử dụng phần mềm **Canva / Mindmeister** để vẽ Sơ đồ tư duy: Các nhân tố kinh tế - xã hội (thay vì vẽ giấy).* - GV trình chiếu một số video cho HS xem: *https://www.youtube.com/watch?v=VTH9nVJzHs0* *https://www.youtube.com/watch?v=YZEQJGD5RQQ* **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS khai thác thông tin trong mục, hoàn thành *Sơ đồ tư duy* - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận** - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày các nhân tô kinh tế - xã hội theo *Sơ đồ tư duy.*	***b) Nhân tố kinh tế - xã hội*** Kết quả *Sơ đồ tư duy* được đính kèm *Nhiệm vụ 2.*

- GV mời đại diện 1 – 2 HS nhận xét, bổ sung ý kiến. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá và kết luận về *các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến phát triển và phân bố nông nghiệp.* [3.1.TC2b: Thể hiện được bản thân thông qua việc tạo ra các nội dung số (HS thiết kế sơ đồ tư duy bằng các công cụ đồ họa số, kết hợp màu sắc, hình ảnh icon để số hóa kiến thức một cách sáng tạo mang đậm dấu ấn cá nhân).] - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	

Hoạt động 2: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố các ngành công nghiệp Việt Nam

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc theo 6 nhóm, khai thác mục 2 SGK tr.143–tr.149 hoàn thành *Phiếu học tập số 1: Sự phát triển và phân bố các ngành công nghiệp Việt Nam.*

c. Sản phẩm: *Phiếu học tập số 1* về sự phát triển và phân bố các ngành công nghiệp Việt Nam và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chia lớp 6 nhóm trên nền tảng **Google Slides / Google Docs**. Mỗi nhóm nhận 1 link làm việc chung. - GV giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm: Khai thác Hình 8.1 – 8.2, Bảng 8.1 – 8.4, thông tin mục 2 và hoàn thành *Phiếu học tập số 1 (Đính kèm phía dưới Hoạt động 2)* + ***Nhóm 1:*** *Khái quát chung về ngành công nghiệp nước ta.* + ***Nhóm 2:*** *Tìm hiểu ngành công nghiệp khai khoáng.*	**2. Các ngành công nghiệp chủ yếu.** Kết quả *Phiếu học tập số 1* đính kèm phía dưới *Hoạt động 2.*

+ ***Nhóm 3:*** *Tìm hiểu ngành công nghiệp sản xuất điện.*

+ ***Nhóm 4:*** *Tìm hiểu ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm.*

+ ***Nhóm 5:*** *Tìm hiểu ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính.*

+ ***Nhóm 6:*** *Tìm hiểu ngành công nghiệp dệt và sản xuất trang phục, giầy, dép.*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA

Nhóm:……..

1. Khái quát chung về ngành công nghiệp nước ta

……
…..
……
…..

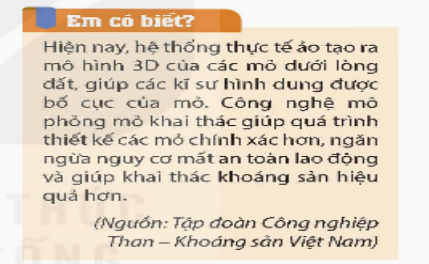
2. Một số ngành công nghiệp chủ yếu

Ngành	Vai trò	Hiện trạng	Phân bố
Công nghiệp khai khoáng			
Công nghiệp sản xuất điện			
Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm			
Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính			
Công nghiệp dệt và sản xuất trang phục, sản			

xuất giày, dép.			

- GV cung cấp thêm cho HS một số tư liệu về các ngành công nghiệp chủ yếu *(Đính kèm phía dưới Hoạt động 2).*

- GV hướng dẫn HS đọc mục *Em có biết* SGK tr.145 về *Hệ thống thực tế ảo.*



- GV mở rộng kiến thức, đặt câu hỏi cho HS: *Lí giải vì sao nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS khai thác tư liệu, thông tin trong mục và hoàn thành *Phiếu học tập số 1.*

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời ngẫu nhiên đại diện 6 nhóm trình bày kết quả thảo luận theo *Phiếu học tập số 1.*

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi mở rộng *(Đính kèm phía dưới Hoạt động 2)*

- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận: ***Công nghiệp nước ta có cơ cấu đa dạng. Các ngành công nghiệp trọng điểm chủ yếu vẫn dựa trên những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên như công nghiệp khai thác nhiên liệu, công nghiệp chế biến***

lương thực thực phẩm hoặc dựa trên thế mạnh về lao động như công nghiệp dệt may. **[2.4.TC2a]: Lựa chọn được các công cụ và công nghệ số cho các quá trình hợp tác** (Các thành viên trong nhóm cùng truy cập 1 tệp Google Docs/Slides theo thời gian thực, người đọc bảng, người nhập liệu, người chèn ảnh bản đồ, tạo nên quá trình hợp tác số). - GV chuyển sang nội dung mới.	

Tư liệu 2: *Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là ngành có trị giá xuất khẩu lớn và tăng nhanh. Năm 2021, trị giá xuất khẩu của ngành đạt 113,4 tỉ USD, gấp 19,2 lần so với năm 2010 và chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu trị giá xuất khẩu của cả nước.*

(Nguồn: Niên giảm thống kê Việt Nam năm 2022)





Nhà máy thủy điện Hòa Bình

Nhà máy nhiệt điện Mông Dương



Nhà máy điện gió Bạc Liêu

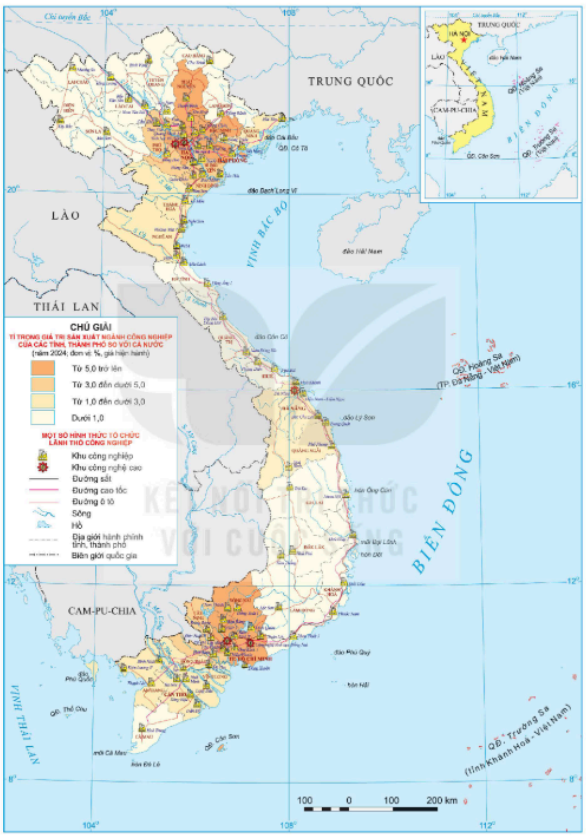


Nhà máy điện mặt trời Mỹ Hiệp

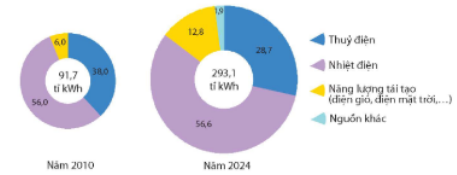
https://www.youtube.com/watch?v=WBz932JqBYo

https://www.youtube.com/watch?v=2J3Bfim7A_s

https://www.youtube.com/watch?v=pYAAzSb5WAE



Hình 8.1. Bản đồ công nghiệp Việt Nam năm 2024



Hình 8.2. Sản lượng và cơ cấu sản lượng điện nước ta năm 2010 và năm 2024 (%)

(Nguồn: Tập đoàn Điện lực Việt Nam năm 2025)

Bảng 8.1. Sản lượng khai thác một số khoáng sản ở nước ta giai đoạn 2010 – 2024

Năm	2010	2015	2020	2024
Dầu thô (triệu tấn) Trong đó: khai thác trong nước	15,0 14,8	18,7 16,9	11,5 9,7	9,9 8,1
Than sạch (triệu tấn)	44,8	41,7	44,6	45,3
Khí tự nhiên ở dạng khí (tỉ m^3)	9,4	10,7	9,2	6,4

(Nguồn: Niên giảm thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2024)

Bảng 8.2. Sản lượng một số sản phẩm của ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm ở nước ta giai đoạn 2010 – 2024

Năm / Sản phẩm	2010	2015	2020	2024
Sữa tươi (triệu lít)	520,6	1 027,9	1 296,8	1 601,6
Thủy sản ướp đông (triệu tấn)	1,27	1,7	2,2	2,1
Gạo xay xát (triệu tấn)	33,5	40,8	43,5	47,4
Đường kính (triệu tấn)	1,1	1,8	1,7	2,0
Dầu thực vật tinh luyện (triệu tấn)	0,6	1,0	1,3	1,7

(Nnguồn: Niên giảm thống kê Việt Năm năm 2011, 2016, 2024)

Bảng 8.3. Một số sản phẩm của ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta giai đoạn 2010 – 2024

(Đơn vị: triệu cái)

Năm / Sản phẩm	2010	2015	2020	2024
Ti vi lắp ráp	2,8	5,5	13,6	15,1
Điện thoại di động	37,5	235,6	201,6	149,4
Tủ lạnh, tủ đông dùng trong gia đình	1,5	1,6	2,3	4,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2024)

Bảng 8.4. Sản lượng một số sản phẩm của ngành công nghiệp dệt và sản xuất trang phục, sản xuất giầy, dép ở nước ta giai đoạn 2010 – 2024

Năm / Sản phẩm	2010	2015	2020	2024
Vải (tỉ m^2)	1,1	1,5	2,4	3,2
Quần áo mặc thường (tỉ cái)	2,6	4,3	5,4	5,9
Giầy, dép da (triệu đôi	192,2	253,0	287,2	344,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

KẾT QUẢ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA

Nhóm:……..

1. Khái quát ngành công nghiệp nước ta.

- Công nghiệp có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng và phát triển kinh tế đất nước. Giá trị sản xuất của ngành tăng nhanh.
- Cơ cấu đa dạng, chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và các ngành có hàm lượng công nghệ cao.
- Phân bố nông nghiệp có sự thay đổi theo hướng phát huy thế mạnh của mỗi vùng.

2. Một số ngành công nghiệp chủ yếu.

Ngành	Vai trò	Hiện trạng	Phân bố
Công nghiệp khai khoáng	Tỉ trọng đóng góp vào giá trị sản xuất ngành công nghiệp giảm dần	- Có lịch sử lâu đời. - Sản lượng khai thác biến động. - Đang áp dụng nhiều công nghệ mới trong sản xuất.	Than tập trung ở Quảng Ninh, dầu thô và khí tự nhiên ở thềm lục địa phía Nam, ti – tan ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ…
Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm	Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp.	- Có lịch sử từ lâu đời. - Đang đẩy mạnh áp dụng công nghệ mới: đông khô, sấy	Phân bố rộng khắp cả nước, phát triển mạnh ở các đô thị như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải

		khô, sấy lạnh, công nghệ sinh học…	Phòng, Biên Hoa và Đà Nẵng.
Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính	Vai trò ngày càng quan trọng. Tỉ trọng trong giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng.	- Mới được hình thành và phát triển. - Sản lượng các sản phẩm tăng nhanh, cơ cấu ngành đa dạng.	Tập trung ở những nơi có nguồn lao động trẻ, có trình độ như vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng.
Công nghiệp dệt và sản xuất trang phục, sản xuất giày, dép	Là ngành sản xuất hàng tiêu dùng quan trọng của đất nước.	- Sản lượng sản phẩm của ngành tăng nhanh. - Sản phẩm của ngành là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta. - Đang áp dụng công nghệ hiện đại: tự động hóa, in 3D, trí tuệ nhân tạo vào sản xuất	Trung tâm công nghiệp dệt và sản xuất trang phục, sản xuất giày, dép lớn của nước ta là Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng…

Hoạt động 3. Tìm hiểu vấn đề phát triển công nghiệp xanh

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS giải thích tại sao cần phát triển công nghiệp xanh.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin mục 3 SGK tr.142 và trả lời câu hỏi: *Hãy giải thích tại sao cần phát triển công nghiệp xanh*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về vấn đề phát triển công nghiệp xanh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	**3. Vấn đề phát triển công nghiệp xanh**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin mục 3 SGK tr.150 và trả lời câu hỏi: *Hãy giải thích tại sao cần phát triển công nghiệp xanh.* - GV cung cấp cho HS tham khảo một số tư liệu về vấn đề phát triển công nghiệp xanh: ***Tư liệu 3:*** *Định hướng phát triển công nghiệp nước ta là thời kì 2021 – 2023, tầm nhìn đến năm 2050 là: Phát triển nền công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế cao, có khả năng tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng đáp ứng nhu cầu về tư liệu sản xuất cơ bản của nền kinh tế, trong đó có công nghiệp năng lượng, cơ khí chế tạo, luyện kim, hóa chất, phân bón, vật liệu. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ số, công nghệ mới, công nghiệp công nghệ cao, nhất là điện tử, sản xuất chíp bán dẫn, công nghiệp sinh học. Phát triển các ngành công nghiệp xanh, gần với mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, năng lượng.* *(Theo Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050)* 	- Công nghiệp xanh là nền công nghiệp thân thiện với môi trường, sản xuất ra các sản phẩm thân thiện với môi trường và giúp cho các điều kiện tự nhiên của môi trường tốt hơn. - Phát triển công nghiệp xanh ở Việt Nam sẽ giúp giải quyết: + Giảm thiểu chất thải công nghiệp. + Tạo ra sản phẩm công nghiệp chất lượng cao. + Tiết kiệm chi phí đầu vào, nhiên liệu, nguyên liệu và năng lượng.

Hoạt động đốt chất thải công nghiệp – ô nhiễm môi trường



Màu xanh bao trùm khu công nghiệp Bá Thiện II (Vĩnh Phúc)



Một góc khu công nghiệp Việt Nam – Singapore (Visip II)

Tại thị xã Tân Uyên, Bình Dương

https://www.youtube.com/watch?v=hDS4evcaeGs

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS khai thác tư liệu, thông tin trong mục và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, luyện tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận về *vấn đề phát triển công nghiệp xanh.* - GV chuyển sang nội dung mới.	

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học về *Công nghiệp.*

b. Nội dung:

- GV cho HS làm Phiếu bài tập trắc nghiệm về *Công nghiệp.*

- GV cho HS trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập SGK tr.150.

c. Sản phẩm: Đáp án của HS và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS làm *Phiếu bài tập*, trả lời nhanh một số câu hỏi trắc nghiệm tổng kết bài học *Công nghiệp.*

- GV tổ chức game trắc nghiệm trên Quizizz/Kahoot.

- GV cung cấp mã phòng thi.

- Yêu cầu HS sử dụng thiết bị di động (điện thoại thông minh/máy tính bảng) cá nhân hoặc theo cặp để truy cập, nhập đúng họ tên và mã phòng học để sẵn sàng làm bài.

Trường THCS:…….

Lớp:……..

Họ và tên:…….

PHIẾU BÀI TẬP ĐỊA LÍ 9 – KẾT NỐI TRI THỨC

BÀI 8: CÔNG NGHIỆP



Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Than nâu có ở khu vực nào nước ta?

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

C. Đồng bằng sông Hồng.

D. Tây Nguyên.

Câu 2: Nhân tố quan trọng nào sau đây làm thay đổi việc khai thác, sử dụng tài nguyên và phân bố hợp lí các ngành công nghiệp?

A. Thị trường.

B. Chính sách.

C. Tiến bộ khoa học - kĩ thuật.

D. Dân cư và lao động.

Câu 3: Điều kiện khí hậu thuận lợi nào giúp nước ta phát triển điện mặt trời, điện gió?

A. Khí hậu nhiệt đới gió mùa.

B. Số giờ nắng cao, lượng bức xạ lớn, gió quanh năm.

C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.

D. Nguồn nước dồi dào.

Câu 4: Đặc điểm của các mỏ khoáng sản nước ta là:

A. Quy mô nhỏ, phân bố không tập trung.

B. Có trữ lượng lớn, dồi dào để sản xuất.

C. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

D. Tạo nguồn động lực để phát triển các ngành công nghiệp khác.

Câu 5: Ý nào sau đây **không** phải là phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay?

A. Xây dựng cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.

B. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

C. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

D. Đầu tư mạnh phát triển tất cả các ngành công nghiệp.

Câu 6: Nhân tố quan trọng nào làm thay đổi việc khai thác, sử dụng tài nguyên và phân bố hợp lí các ngành công nghiệp?

A. thị trường.

B. chính sách.

C. tiến bộ khoa học - kĩ thuật.

D. dân cư và lao động.

Câu 7: Trình độ phát triển công nghiệp hóa của một nước biểu thị đặc điểm nào dưới đây?

A. Sức mạnh an ninh, quốc phòng của quốc gia.

B. Trình độ lao động, khoa học của một quốc gia.

C. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật.

D. Trình độ phát triển và sự lớn mạnh về kinh tế.

Câu 8: Đông Nam Bộ trở thành vùng dẫn đầu cả nước về hoạt động công nghiệp chủ yếu do:

A. Có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước.

B. Giàu có nhất nước về nguồn tài nguyên thiên nhiên.

C. Khai thác triệt để các lợi thế tài nguyên thiên nhiên.

D. Dân số đông, lao động dồi dào, trình độ tay nghề cao

Câu 9: Sử dụng than trong sản xuất nhiệt điện ở nước ta gây ra vấn đề môi trường chủ yếu nào sau đây?

A. Cạn kiệt khoáng sản.

B. Ô nhiễm không khí.

C. Phá hủy tầng đất mặt.

D. Ô nhiễm nguồn nước.

Câu 10: Ngành nào sau đây **không** thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến?

A. Luyện kim.

B. Cơ khí.

C. Sản xuất hàng tiêu dùng.

D. Khai thác mỏ.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng thiết bị di động truy cập, hoàn thành bài tập trong thời gian 10 phút.
- HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành *Phiếu bài tập.*
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS lần lượt đọc đáp án đúng.
- Hệ thống tự động chấm điểm và xếp hạng.
- GV chiếu bảng xếp hạng và chữa nhanh câu sai nhiều nhất.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, đọc đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	**C**	**C**	**B**	**A**	**D**
Câu hỏi	6	7	8	9	10
Đáp án	**C**	**D**	**C**	**B**	**D**

[2.1.TC2a: Lựa chọn được nhiều công nghệ số để tương tác (làm bài kiểm tra trực tuyến)]

- GV chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2. Trả lời câu hỏi bài tập 1 - phần Luyện tập SGK tr.150.

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ:

+ Vẽ sơ đồ thể hiện các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp ở nước ta.

+ Dựa vào bảng 8.3, hãy nhận xét sự thay đổi về sản lượng một số sản phẩm của ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta giai đoạn 2010 – 2024.

Bảng 8.3. Một số sản phẩm của ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta giai đoạn 2010 – 2024

(Đơn vị: triệu cái)

Năm / Sản phẩm	2010	2015	2020	2024
Ti vi lắp ráp	2,8	5,5	13,6	15,1
Điện thoại di động	37,5	235,6	201,6	149,4
Tủ lạnh, tủ đông dùng trong gia đình	1,5	1,6	2,3	4,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2024)

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS khai thác Bảng 8.3, vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS nhận xét sự thay đổi về sản lượng một số sản phẩm của ngành công nghiệp sản xuất điện tử, máy vi tính ở nước ta giai đoạn 2010 – 2024 .

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:

- GV chuyển sang nội dung mới.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Củng cố kiến thức đã học về *Công nghiệp*

- Liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập phần Vận dụng SGK tr.150.

c. Sản phẩm: Bài tìm hiểu của HS về xu hướng phát triển công nghiệp xanh ở nước ta.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Tìm hiểu về xu hướng phát triển công nghiệp xanh ở nước ta.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

HS vận dụng kiến thức đã học, hiểu biết thực tế, sưu tầm thêm thông tin từ người thân, người dân địa phương để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, đánh giá, kết thúc tiết học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học:

+ Vai trò của các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.

+ Sự phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp chủ yếu.

+ Vấn đề phát triển công nghiệp xanh.

- Hoàn thành bài tập 2 phần Luyện tập và phần Vận dụng SGK tr.142.
- Làm bài tập Bài 8 – SBT *Lịch sử và địa lí 9 – phần Địa lí (Kết nối tri thức).*
- Đọc và tìm hiểu trước nội dung *Bài 9: Thực hành: Xác định một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta.*